



CK.0000069663

ĐINH NGỌC ĐỆ (CHỦ BIÊN)
TS. NGUYỄN THỊ LAN ANH - ThS. NGUYỄN KIM HÀ
BSCK II. PHAN THỊ MINH HẠNH

CHĂM SÓC SỨC KHỎE TRẺ EM

(DÙNG CHO ĐÀO TẠO CỬ NHÂN NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG)



NGUYỄN
OC LIÊU



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

ĐINH NGỌC ĐỆ (*Chủ biên*)
ThS. Nguyễn Thị Lan Anh - ThS. Nguyễn Kim Hà
BSCCKII. Phan Thị Minh Hạnh

CHĂM SÓC

SỨC KHỎE TRẺ EM

(Dùng cho đào tạo cử nhân ngành Điều dưỡng)

(Tái bản lần thứ nhất)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

1911
1911

1911
1911

LỜI NÓI ĐẦU

Thực hiện Chỉ thị số 296/CT – TTg của Thủ tướng Chính phủ về Đổi mới quản lý giáo dục đại học giai đoạn 2010 – 2012 và Thông tư số 1374/BGDĐT–GDĐH ngày 12 tháng năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ môn Điều dưỡng Nhi Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định, Khoa Điều dưỡng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành và Khoa Điều dưỡng Trường Đại học Thành Tây đã cùng nhau biên soạn cuốn *Chăm sóc sức khỏe trẻ em* nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo Cử nhân Điều dưỡng trình độ đại học.

Sách *Chăm sóc sức khỏe trẻ em* được biên soạn dựa trên chương trình khung giáo dục điều dưỡng trình độ đại học được ban hành kèm theo Thông tư số 01, ngày 13 tháng 0 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và dựa trên Đề cương môn học Chăm sóc sức khỏe trẻ em của Bộ môn Điều dưỡng Nhi Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định. Sách được các nhà giáo lâu năm, nhiều kinh nghiệm và tâm huyết với công tác đào tạo điều dưỡng biên soạn theo phương châm: kiến thức cơ bản, hệ thống; nội dung chính xác, khoa học; cập nhật các tiến bộ khoa học, kỹ thuật hiện đại và thực tiễn Việt Nam.

Sách *Chăm sóc sức khỏe trẻ em* gồm 30 bài về Nhi khoa cơ sở và chăm sóc trẻ em bị các bệnh thường gặp. Đây là tài liệu dạy – học cho sinh viên đại học điều dưỡng và là tài liệu tham khảo cho các cán bộ y tế quan tâm đến lĩnh vực chăm sóc sức khỏe trẻ em.

Kèm theo cuốn sách *Chăm sóc sức khỏe trẻ em*, các tác giả biên soạn *Câu hỏi tự luận về chăm sóc sức khỏe trẻ em* thành một cuốn sách riêng. Cuốn sách *Câu hỏi tự luận về chăm sóc sức khỏe trẻ em* không chỉ giúp cho sinh viên tự lượng giá được kiến thức của bản thân mà còn giúp cho cơ sở đào tạo áp dụng để lượng giá kiến thức của sinh viên một cách khách quan bằng việc tổ chức thi và chấm thi trên máy vi tính.

Lần đầu xuất bản, chúng tôi mong nhận được ý kiến đóng góp của đồng nghiệp, các bạn sinh viên và các độc giả để lần xuất bản sau được hoàn thiện hơn.

Mọi ý kiến góp ý xin gửi về theo địa chỉ : Công ty Cổ phần sách Đại học và Day nghề Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 25 Hà Nội, Hà Nội.

Thay mặt các tác giả
Nhà giáo ưu tú
BSCKII, ThS. Đinh Ngọc Đệ

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|-------|
| Lời nói đầu | 03 |
| Chương 1. Nhi khoa đại cương | 07 |
| <i>BSCKII. ThS. Đinh Ngọc Đệ</i> | |
| Bài 1. Các thời kỳ tuổi trẻ..... | 07 |
| Bài 2. Sự phát triển về thể chất của trẻ em..... | 13 |
| Bài 3. Sự phát triển về tâm thần và vận động của trẻ em..... | 24 |
| Bài 4. Chăm sóc sức khoẻ ban đầu..... | 32 |
| Bài 5. Cách dùng thuốc cho trẻ em..... | 40 |
| Chương 2. Sơ sinh | 56 |
| <i>BSCKII. Phan Thị Minh Hạnh</i> | |
| Bài 6. Chăm sóc trẻ sơ sinh đủ tháng..... | 56 |
| Bài 7. Chăm sóc trẻ sơ sinh thiếu tháng, già tháng..... | 64 |
| Chương 3. Dinh dưỡng | 74 |
| <i>BSCKII. ThS. Đinh Ngọc Đệ</i> | |
| Bài 8. Đặc điểm da – cơ – xương trẻ em..... | 74 |
| Bài 9. Nuôi dưỡng trẻ em..... | 78 |
| Bài 10. Chăm sóc trẻ bị bệnh suy dinh dưỡng..... | 96 |
| Bài 11. Chăm sóc trẻ bị bệnh còi xương..... | 106 |
| Chương 4. Tiêu hoá | 112 |
| <i>BSCKII. ThS. Đinh Ngọc Đệ</i> | |
| Bài 12. Đặc điểm hệ tiêu hoá trẻ em..... | 112 |
| Bài 13. Chương trình Quốc gia phòng chống bệnh tiêu chảy và Chăm sóc trẻ bị bệnh tiêu chảy cấp..... | 117 |
| Bài 14. Chăm sóc trẻ bị bệnh giun..... | 139 |

| | |
|--|-----|
| Chương 5. Hô hấp | 140 |
| <i>ThS. Nguyễn Kim Hà</i> | |
| Bài 15. Đặc điểm hệ hô hấp trẻ em..... | 145 |
| Bài 16. Nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính trẻ em | 150 |
| Bài 17. Chăm sóc trẻ bị viêm phổi nặng..... | 161 |
| Chương 6. Tuần hoàn | |
| <i>BSCCKII. ThS. Đinh Ngọc Đệ</i> | |
| Bài 18. Đặc điểm hệ tuần hoàn trẻ em..... | 168 |
| Bài 19. Chăm sóc trẻ bị bệnh thấp tim..... | 172 |
| Bài 20. Chăm sóc trẻ bị bệnh tim bẩm sinh..... | 183 |
| Chương 7. Huyết học | 194 |
| <i>ThS. Nguyễn Thị Lan Anh</i> | |
| Bài 21. Đặc điểm máu trẻ em..... | 194 |
| Bài 22. Chăm sóc trẻ thiếu máu | 198 |
| Chương 8. Tiết niệu | 204 |
| <i>BSCCKII. ThS. Đinh Ngọc Đệ</i> | |
| Bài 23. Đặc điểm hệ tiết niệu trẻ em..... | 204 |
| Bài 24. Chăm sóc trẻ bị bệnh viêm cầu thận cấp..... | 212 |
| Bài 25. Chăm sóc trẻ bị bệnh thận nhiễm mỡ | 226 |
| Bài 26. Chăm sóc trẻ bị nhiễm trùng đường tiết niệu..... | 235 |
| Bài 27. Chăm sóc trẻ suy thận cấp | 241 |
| Chương 9. Thần kinh | 248 |
| <i>BSCCKII. ThS. Đinh Ngọc Đệ</i> | |
| Bài 28. Đặc điểm hệ thần kinh trẻ em..... | 248 |
| Bài 29. Chăm sóc trẻ co giật..... | 252 |
| Bài 30. Chăm sóc trẻ xuất huyết não – màng não..... | 263 |
| Tài liệu tham khảo | 267 |

NHI KHOA ĐẠI CƯƠNG

Bài 1

CÁC THỜI KỲ TUỔI TRẺ

MỤC TIÊU

1. Nêu được giới hạn của 6 thời kỳ tuổi trẻ.
2. Trình bày được đặc điểm sinh lý và bệnh lý của từng thời kỳ.
3. Vận dụng được những đặc điểm sinh lý và bệnh lý của các thời kỳ vào việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và phòng bệnh cho trẻ em.

Trẻ em không phải là người lớn thu nhỏ lại. Khác với người lớn, trẻ em là một cơ thể đang phát triển. Phát triển là sự lớn lên về khối lượng và sự trưởng thành về chất lượng (sự hoàn thiện về chức năng các cơ quan). Trong quá trình phát triển, cơ thể trẻ em có những đặc điểm về giải phẫu, sinh lý và bệnh lý mang tính đặc trưng cho từng lứa tuổi. Dựa vào đặc điểm này, có thể chia ra thành 6 thời kỳ tuổi trẻ. Chúng ta sẽ lần lượt nghiên cứu từng thời kỳ.

1. THỜI KỲ PHÁT TRIỂN TRONG TỬ CUNG

1.1. Giới hạn

Thời kỳ phát triển trong tử cung được tính từ lúc trứng được thụ tinh cho đến khi trẻ ra đời. Sự phát triển bình thường từ 280 + 290 ngày, tính từ ngày đầu tiên của kỳ kinh nguyệt cuối cùng. Thời kỳ này được chia ra 2 giai đoạn:

- Giai đoạn phôi thai: 3 tháng đầu.
- Giai đoạn rau thai: 6 tháng cuối.

1.2. Đặc điểm sinh lý

- Ba tháng đầu là thời kỳ hình thành các phủ tạng và tạo dáng thai nhi.
- Sáu tháng cuối là thời kỳ phát triển thai nhi. Đây là thời kỳ thai nhi lớn rất nhanh về khối lượng và hoàn thiện dần về chức năng các cơ quan.
- Sự hình thành và phát triển thai nhi hoàn toàn phụ thuộc vào tình trạng sức khoẻ (thể chất, tinh thần, xã hội và bệnh tật) của người mẹ.

1.3. Đặc điểm bệnh lý

Trứng được thụ tinh phát triển liên tục trong suốt 38 tuần cho đến khi được đẻ ra. Bệnh lý của thời kỳ này liên quan đến tình trạng sức khỏe của người mẹ, cấu tạo gen của phôi, sự tác động (công kích) của một số tác nhân và thời điểm bị tác động:

– Trong 3 tháng đầu của thời kỳ mang thai, nếu người mẹ bị nhiễm virus như cúm, cận cúm, rubeole, adenovirus hoặc sử dụng một số thuốc chống ung thư, hay một số thuốc khác như Tetracyclin, Gacdenal... có thể sẽ gây ra các rối loạn quá trình hình thành thai nhi, dẫn đến quái thai hoặc các dị tật bẩm sinh như: sứt môi, hở hàm ếch, tim bẩm sinh, tật hậu môn, v.v...

– Sáu tháng cuối của thời kỳ mang thai là giai đoạn phát triển thai nhi bằng cách tăng sinh về số lượng và kích thước tế bào. Sự tác động quá mức đến thai nhi thông qua người mẹ như mẹ ăn uống kém, lao động nặng, bị ngã hoặc bị các bệnh mạn tính có thể dẫn đến tình trạng suy dinh dưỡng bào thai, thai chết lưu, đẻ non, đẻ yếu, v.v...

1.4. Chăm sóc và quản lý thai nghén

Để tạo điều kiện cho thai nhi phát triển tốt, cần hướng dẫn cho bà mẹ thực hiện tốt những điểm sau:

– Ăn uống đầy đủ, cân đối các chất đạm, đường, mỡ, vitamin và muối khoáng, trong đó cần đặc biệt chú ý đến chất đạm.

– Tạo mọi điều kiện để người mẹ được thoải mái về tinh thần, tránh lao động nặng, tránh té ngã, không đi lại nhiều trên đường gồ ghề, nhất là trong 3 tháng cuối của thời kỳ thai nghén.

– Tránh tiếp xúc với các chất độc như thuốc trừ sâu, diệt cỏ, thủy ngân; tránh dùng các loại thuốc như Tetracyclin, thuốc phiện, thuốc lá, thuốc chống ung thư hoặc thuốc an thần như Gacdenal, v.v...

– Phòng tránh các bệnh lây do virus như cúm, cận cúm, rubeole, adenovirus, sốt phát ban và các bệnh do ký sinh trùng như giun móc, toxoplasmosis hay các bệnh hoa liễu như lậu, giang mai ... nhất là trong 3 tháng đầu của thời kỳ thai nghén.

– Không nên có thai khi người mẹ bị bệnh mạn tính như bệnh van tim, suy tim, suy gan, suy thận, suy tủy, xơ phổi, tâm thần, ...

– Đi khám thai định kỳ, đều đặn để có những lời khuyên kịp thời, xác đáng và hữu ích.

– Hướng dẫn bà mẹ có thai đi tiêm phòng uốn ván.

2. THỜI KỲ SƠ SINH

2.1. Giới hạn

Tính từ lúc trẻ ra đời cho đến khi trẻ tròn 4 tuần lễ.